

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y Chuyên ngành: Nhân khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Xuân Cung.

2. Ngày tháng năm sinh: 31/7/1973 Nam Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): phòng 12B-02, tòa nhà T11, khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): phòng 12B-02, tòa nhà T11, khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: không có Điện thoại di động: 0979260915 ; E-mail:

cungvienmat@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc	Chức vụ	Cơ quan công tác
2001-nay	Khám chữa bệnh mắt	Bác sỹ điều trị	Bệnh viện Mắt Trung ương
2001-2007	Khám chữa bệnh mắt, tham gia quản lý hoạt động chuyên môn	Phó trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Bệnh viện Mắt Trung ương
5/2007-6/2018	Khám chữa bệnh mắt, tham gia quản lý điều hành khoa Kết giác mạc	Phó trưởng khoa Kết giác mạc	Bệnh viện Mắt Trung ương
6/2018-nay	Khám chữa bệnh mắt, quản lý điều hành khoa Giác mạc	Trưởng khoa Giác mạc	Bệnh viện Mắt Trung ương

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Giác mạc; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa Giác mạc.

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Mắt Trung ương

Địa chỉ cơ quan: số 85 phố Bà Triệu, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02438263966

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Trường Đại học Y Hà Nội.
- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (Bộ môn Mắt).
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 9 năm 1995, ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, nước: Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 02 năm 2004, ngành: Y học, chuyên ngành: Nhãn khoa.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, nước: Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Được cấp bằng TS ngày 09 tháng 4 năm 2011, ngành: Y học, chuyên ngành: Nhãn khoa.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, nước: Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Dược Thái Bình.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: ngành Y.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Bệnh học kết giác mạc và các phẫu thuật ghép giác mạc.
- Phẫu thuật đục thể thủy tinh, đặc biệt phẫu thuật đục thể thủy tinh trên những mắt đã ghép giác mạc.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn:
 - + Hướng dẫn chính: 05 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp và đã nhận bằng.
 - + Phụ hướng dẫn (hướng dẫn 2): 01BS cao học, 01 BSNT và 01 BSCK 2 bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp và đã nhận bằng.
- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH cấp cơ sở (là chủ nhiệm đề tài, đã được nghiệm thu).
- Đã công bố (số lượng): 56 bài báo KH, trong đó 11 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Số lượng sách: đã xuất bản 01 cuốn sách chuyên khảo (chủ biên) thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Y học).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

15.1. Bằng khen

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định
2009	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế Đã có thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện Đề án 1816 của Bộ Y tế	4614/QĐ--BYT Ngày 24/11/2009
2012	Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng Đã có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và phòng chống mù lòa tại tỉnh Cao Bằng	954/QĐ-UBND Ngày 18/7/2012

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

2017	Bằng khen của Bộ Y tế Đã có nhiều thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển đơn vị	4615/QĐ-BYT Ngày 12/10/2017
2020	Bằng khen của Bộ Y tế Đã có nhiều thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác Y tế năm 2018 đến năm 2019.	QĐ số 2613/QĐ-BYT ngày 22/6/2020

15.2. Chiến sỹ thi đua cơ sở

Năm	Danh hiệu thi đua	Số quyết định
2010	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	210/QĐ-BVMTW Ngày 11/3/2011
2016	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	131/ QĐ-BVMTW Ngày 20/2/2017
2018	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	267/QĐ-BVMTW Ngày 08/03/2018
2019	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	1820/QĐ-BVMTW Ngày 30/12/2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đối chiếu với các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi nhận thấy bản thân có đủ tiêu chuẩn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một nhà giáo. Trong nhiều năm qua tôi đã tham gia giảng dạy cho các đối tượng đại học, sau đại học, cả lý thuyết và thực hành, tôi đã hướng dẫn luận án cho nhiều ThS, BSNT, CKII bảo vệ thành công. Tôi đã truyền những kinh nghiệm mình có được, những tâm huyết nghề nghiệp cho các thế hệ học trò. Tôi luôn phấn đấu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo. Tôi luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, danh dự và uy tín của một nhà giáo, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy quy chế của cơ quan và nhà trường. Luôn trung thực, khách quan trong đào tạo và nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: 06 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015			HDC 01 ThS			122	155,3
2	2015-2016			HDC 01 ThS HDP 01 ThS HDP 01BSNT			159,5	167,8
3	2016-2017			HDC 01ThS			135,5	205,5
3 năm học cuối								
4	2017-2018			HDC 01 ThS			152,5	277,5
5	2018-2019						130,5	196,5
6	2019-2020			HDC 01 ThS HCP 01 CK2			247,5	317,5

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh. Được đào tạo trong nước:

Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường đại học ngoại ngữ. Số bằng: 147825; năm cấp: 1999

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): cử nhân.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trương Khánh Mỹ Hằng		CH	X		Từ 15/4/2013 Đến	ĐHY Hà Nội	18/02/2014
2	Hoàng Hải Hà		CH	X		Từ 29/4/2019 Đến	ĐHY Hà Nội	10/02/2015
3	Nguyễn Thị Thu Hà		CH		X	Từ 29/4/2019 Đến	ĐHY Hà Nội	10/02/2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

4	Dương Mai Nga		BSNT		X	Từ 15/01/2015 đến	ĐHY Hà Nội	08/3/2016
5	Phan Văn Dũng		CH	X		Từ 11/4/2016 Đến 12/2016	ĐHY Hà Nội	25/01/2017
6	Nguyễn Thị Thanh Nga		CH	X		Từ 24/3/2017 Đến 10/2017	ĐHY Hà Nội	11/01/2018
7	Nguyễn Thị Thùy Dung		CH	X		Từ 25/01/2019 Đến 9/2019	ĐHY Hà Nội	16/12/2019
8	Ninh Thị Loan		CK2		X	Từ 1/2019 Đến 10/2019	ĐHY Hà Nội	16/12/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Giai đoạn từ sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Loạn dưỡng giác mạc di truyền	CK	Y học 2020	01	Chủ biên		1011/QĐ-YDTB

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu: sau bảo vệ luận án tiến sỹ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Đánh giá hiệu quả của phương pháp điều chỉnh chỉ giác mạc làm giảm độ loạn thị sau ghép giác mạc xuyên	CN	Cấp cơ sở	Từ 4/2016 đến 11/2016	01/12 /2016 Xếp loại: giỏi
2	Đánh giá tình trạng khô mắt sau phẫu thuật Phaco	CN	Cấp cơ sở	Từ 2/2017 đến 8/2017	30/11/2017 Xếp loại: giỏi
3	Đánh giá hậu quả lâu dài của bệnh loét giác mạc	CN	Cấp cơ sở	Từ 5/2018 đến 12/2018	14 /01/2019 Xếp loại: giỏi
4	Đánh giá hiệu quả của tra huyết thanh tự thân phối hợp trong điều trị loét giác mạc lâu liền.	CN	Cấp cơ sở	Từ 7/2018 đến 7/2019	19/11/2019 Xếp loại: giỏi
5	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị bệnh thoái hoá giác mạc dải băng	CN	Cấp cơ sở	Từ 7/2018 đến 7/2019	19/11/2019 Xếp loại: giỏi

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế).

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

7.1.1 Giai đoạn trước bảo vệ luận án TS

STT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1.	Mutation analysis of the carbohydrate sulfotransferase gene in Vietnamese with macular corneal dystrophy (PMID: 12882775)	8		Invest Ophthalmology	Scopus Q1 IF: 3.61		Tập:48 Trang: 12–16	2004
2.	Identification of novel mutations of the CHST6 gene in Vietnamese families affected with macular corneal dystrophy in two generations (PMID: 12883341)	8		Cornea	Scopus Q1 IF: 2.0		Tập:44 Số:8 Trang: 3310-3316	2003
3.	A novel mutation of M1S1 gene found in a Vietnamese patient with gelatinous droplike corneal dystrophy (PMID: 12614764)	7		American Journal Ophthalmology	Scopus Q1 IF: 4.54		Tập:87 Trang: 686–689	2003
4.	H626R and R124C mutations of the TGFBI (BIG3) gene caused lattice corneal dystrophy in Vietnamese people. (PMID: 12770961)	8		British Journal Ophthalmology	Scopus Q1 IF: 3.7		Tập:22 Số:6 Trang: 508-511	2003

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

5.	Mutation analysis of the TGFBI gene in Vietnamese with granular and Avellino corneal dystrophy (PMID: 14767644)	7	X	Japanese Journal Ophthalmology	Scopus Q1 IF: 1.76		Tập:135 Số:3 Trang: 390-393	2003
----	---	---	---	--------------------------------	-----------------------	--	-----------------------------------	------

7.1.2. Giai đoạn sau bảo vệ luận án TS

STT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Các bài báo tiếng Anh								
6.	Penetrating Keratoplasty for Keratoconus in Vietnamese Patients (PMID: 32215079)	9	X	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences.	Scopus Q3		Tập:7 Số:24 Trang: 4287-4291	2019
7.	Evaluation of Phacoemulsification Cataract Surgery Outcomes After Penetrating Keratoplasty (PMID: 32215082)	8	X	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences.	Scopus Q3		Tập:7 Số:24 Trang: 4301-4305	2019
8.	Clinical Characteristics and Histopathology of Idiopathic Epiretinal Membrane in Vietnam (PMID: 32215087)	9	X	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences.	Scopus Q3		Tập:7 Số:24 Trang: 4324-4328	2019

9.	Bullous Keratopathy Secondary to Anterior Chamber Angle Foreign Body (PMID: 32215084)	8		Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences.	Scopus Q3		Tập:7 Số:24 Trang: 4311-4315	2019
10.	Identification of a Novel Missense KRT12 Mutation in a Vietnamese Family with Meesmann Corneal Dystrophy (PMID: 32308613)	8		Case Report in Ophthalmology	Scopus Q3		Số:11 Trang: 120-126	2020
11.	Cataract Surgery Destabilises the Tear Film of the Ocular Surface (Kataraktchirurgie destabilisiert die Benetzung der Augenoberfläche)	5	X	Klinische Monatsblater fur Augenheikunde	Scopus Q3		Đã có bản draft đang chờ đăng	2020
Các bài báo tiếng Việt								
12.	Điều trị bệnh loạn dưỡng nội mô giác mạc di truyền Fuchs bằng ghép giác mạc xuyên	2	X	Tạp chí Nghiên cứu y học			Tập:74 Số: 3 Trang: 182-136	2011
13.	Ghép giác mạc xuyên điều trị bệnh loạn dưỡng giác mạc di truyền dạng lưới	2	X	Tạp chí Nghiên cứu y học			Tập:81 Số:1 Trang: 75-81	2013
14.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và đột biến gen của bệnh nhân loạn dưỡng giác mạc di truyền dạng đốm	2	X	Tạp chí Y dược học quân sự			Tập:38 Số:3 Trang: 12-16	2013

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

15.	Đặc điểm bệnh nhân được ghép giác mạc tại bệnh viện mắt trung ương trong giai đoạn 2002-2011	3		Tạp chí Nghiên cứu y học			Tập:85 Số:5 Trang: 24-30	2013
16.	Đặc điểm lâm sàng và điều trị viêm giác mạc do ong đốt	2	X	Tạp chí Y dược học quân sự			Tập:39 Số:3 Trang: 164-168	2014
17.	Nghiên cứu biến đổi cận lâm sàng của bệnh giác mạc hình chóp	3	X	Tạp chí Y dược học quân sự			Tập:39 Số:4 Trang: 136-141	2014
18.	Đặc điểm lâm sàng của bệnh giác mạc hình chóp	3	X	Tạp chí Nghiên cứu y học			Tập:88 Số:3 Trang: 49-54	2014
19.	Đánh giá kết quả điều trị bệnh loạn dưỡng giác mạc di truyền dạng đốm bằng phẫu thuật ghép giác mạc xuyên	2	X	Tạp chí Y dược học quân sự			Tập:39 Số:8 Trang: 165-170	2014
20.	Tác dụng của fluconazole 2% tiêm dưới kết mạc trong điều trị viêm loét giác mạc do nấm	3		Tạp chí Nghiên cứu y học			Tập:92 Số:6 Trang: 38-44	2014
21.	Khúc xạ nhãn cầu sau ghép nội mô DSAEK	3		Tạp chí Y dược học quân sự			Tập:40 Số:2 Trang: 160-165	2015
22.	Sự biến đổi độ dày mảnh ghép sau ghép giác mạc nội mô DSAEK	3		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:427 Số:1tháng g2 Trang: 88-92	2015
23.	Viêm lệ quản: Đặc điểm lâm sàng, Tác nhân gây bệnh và kết quả điều trị	2		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:436 Số:1 tháng11 Trang: 78-82	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

24.	Ảnh hưởng của sự chênh lệch đường kính mảnh ghép-nền ghép đến kết quả phẫu thuật ghép giác mạc xuyên điều trị bệnh giác mạc hình chóp	3	X	Tạp chí Y dược học quân sự			Tập:41 Số:8 Trang: 177-183	2016
25.	Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến phẫu thuật phaco điều trị đục thể thủy tinh sau ghép giác mạc	3	X	Tạp chí y học Việt Nam			Tập:454 Số:ĐB tháng5 Trang: 228-235	2017
26.	Đặc điểm tế bào nội mô giác mạc trên người Việt Nam bình thường	4		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:454 Số:ĐB tháng5 Trang: 290-295	2017
27.	Hiệu quả chỉnh loạn thị của phương pháp cắt mũi chỉ rời chọn lọc sau ghép giác mạc xuyên	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:454 Số:ĐB tháng5 Trang: 296-302	2017
28.	Đánh giá những yếu tố gây loạn thị giác mạc sau ghép giác mạc xuyên	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:466 Số:1 tháng4 Trang: 19-22	2018
29.	Đánh giá kết quả phẫu thuật ghép màng ôi trong giai đoạn cấp tính điều trị bong mắt do hóa chất mức độ nặng	3		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:466 Số:1 tháng4 Trang: 68-72	2018
30.	Nghiên cứu hiệu quả kiểm soát tiến triển cận thị trên bệnh nhân đặt kính Ortho-K	2		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:466 Số:2 tháng4 Trang: 26-30	2018
31.	Đánh giá tình trạng khúc xạ giác mạc sau ghép giác mạc xuyên	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:466 Số:2 tháng4 Trang: 83-87	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

32.	Vai trò của phẫu thuật rửa mù tiên phòng chẩn đoán và điều trị viêm loét giác mạc	4		Tạp chí Y dược lâm sàng 108			Tập:13 Số: 3/2018 Trang: 71-77	2018
33.	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị viêm kết giác mạc nông do microsporidia	4		Tạp chí Y dược học quân sự			Số 5 Trang: 129-135	2018
34.	Kết quả điều trị viêm loét giác mạc nhiễm trùng thủng, dọa thủng bằng ghép giác mạc lớp trước sâu	3		Tạp chí Y dược lâm sàng 108			Tập:14 Số: 1/2019 Trang: 79-81	2019
35.	Đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân thoái hóa giác mạc dải băng	3		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:482 Số:2 tháng9 Trang: 203-206	2019
36.	Nghiên cứu đặc điểm tổn thương biểu mô giác mạc kéo dài	3		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:483 Số:2 tháng10 Trang: 236-240	2019
37.	Đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân loét giác mạc nhiễm trùng do kính tiếp xúc	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập: 484 Số:2 tháng:11 Trang: 166-170	2019
38.	Hậu quả lâu dài của bệnh loét giác mạc	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:485 Số:1+2 tháng12 Trang: 67-71	2019
39.	Đánh giá hiệu quả của phẫu thuật gọt giác mạc điều trị bệnh thoái hóa giác mạc dải băng	2	X	Tạp chí Y dược lâm sàng 108			Tập:15 Số: 2/2020 Trang: 123-128	2020
40.	Nghiên cứu hiệu quả ghép màng ôi điều trị mộng thịt tái phát	2		Tạp chí Y học quân sự			Số: 343 Trang:26-30	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

41.	Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị tổn thương biểu mô giác mạc kéo dài bằng huyết thanh tự thân	2	X	Tạp chí Y học quân sự			Số: 343 Trang: 31-35	2020
42.	Một số yếu tố ảnh hưởng đến thời gian liền biểu mô ở mắt loét giác mạc khó hàn gắn được điều trị ghép màng ối thay thế	2		Tạp chí Y dược lâm sàng 108			Tập:15 Số: 4/2020 Trang: 84-91	2020
43.	Nghiên cứu ghép màng ối điều trị loét giác mạc thủng và dọa thủng	2		Tạp chí Y học thực hành			Tập:1130 Số:4 Trang: 41-44	2020
44.	Đánh giá hiệu quả của huyết thanh tự thân tra mắt điều trị tổn thương biểu mô giác mạc khó hàn gắn	2	X	Tạp chí Y học thực hành			Tập:1130 Số:4 Trang: 61-63	2020
45.	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và mô bệnh học của bệnh loạn dưỡng giác mạc dạng lưới ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:490 Số:1 tháng5 Trang: 191-194	2020
46.	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh loạn dưỡng nội mô Fuchs ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:490 Số:1 thán g5 Trang: 152-156	2020
47.	Nhận xét kết quả của phẫu thuật ghép giác mạc xuyên điều trị bệnh loạn dưỡng nội mô bẩm sinh di truyền	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập:490 Số:2 tháng 5 Trang: 92-95	2020
48.	Đặc điểm lâm sàng và mô bệnh học của bệnh loạn dưỡng giác mạc dạng hạt	1	X	Tạp chí Y học thực hành			Tập:1131 Số:4 Trang: 66-69	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

49.	Nhận xét đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học của bệnh loạn dưỡng nội mô bẩm sinh di truyền	1	X	Tạp chí Y học thực hành			Tập:1131 Số:4 Trang: 127-130	2020
50.	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và mô bệnh học của bệnh loạn dưỡng giác mạc dạng giọt gelatin trên bệnh nhân Việt Nam	1	X	Tạp chí Y học thực hành			Tập:1132 Số:5 Trang: 36-38	2020
51.	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị khô mắt sau phẫu thuật đục thể thủy tinh	1	X	Tạp chí Y học thực hành			Tập:1132 Số:5 Trang: 73-77	2020
52.	Đặc điểm hình thái đục thể thủy tinh trên mắt đã ghép giác mạc xuyên	1	X	Tạp chí Y học thực hành			Tập:1133 Số:5 Trang: 114-117	2020
53.	Kết quả ghép giác mạc xuyên điều trị bệnh loạn dưỡng giác mạc dạng giọt gelatin	1	X	Tạp chí Y học thực hành			Tập:1133 Số:5 Trang: 60-62	2020
54.	Nghiên cứu ghép màng ôi điều trị dính mi cầu tại Bệnh viện Quân Y 103	2		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập: 491 Số:6 tháng 1 Trang: 269-274	2020
55.	Đánh giá kết quả của phẫu thuật đục thể thủy tinh bằng phương pháp phaco trên mắt bị sẹo đục giác mạc	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập: 491 Số:6 tháng 1 Trang: 147-150	2020
56.	Nhiễm trùng tái phát trên mảnh ghép sau phẫu thuật ghép giác mạc xuyên điều trị viêm giác mạc nhiễm trùng	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập: 491 Số:6 tháng 1 Trang: 73-77	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
 - Giờ giảng dạy
 - + Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
 - + Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
 - Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:
 - + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
.....
 - + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:
 - + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



BS.TS. Lê Xuân Cung

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN